CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0314445458
Reason: I am the author of this document
Location:
Foxit PDF Reader Version: 12.0.1

CTCP BCG ENERGY

BCG ENERGY JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/*No.*:28 **/2026/CBTT-BGE**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, October 30 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi/*To*: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP BCG ENERGY thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Riêng lẻ và Hợp nhất Quý 3 năm 2026 như sau:

Pursuant to the provisions of Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, BCG Energy Joint Stock Company shall disclose its Consolidated and Separate financial statements for the third quarter of the year 2026 as follows:

1. Tên tổ chức/ *Organization name*: Công ty Cổ phần BCG Energy

- Mã chứng khoán/ *Stock ticker*: BGE
- Địa chỉ/ *Address*: LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/*Tel:* (028) 62 680 680 Fax: (028) 6299 1188
- Email: ir-bcgenergy@bamboocap.com.vn Website: https://bcgenergy.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố/ *Disclosure of information*

- Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất Quý 3 năm 2026/ *Consolidated and Separate financial statements for the third quarter of the year 2026.*
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases that require explanation:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC/ *The audit organization has issued an opinion that is not an unqualified opinion regarding the financial statements*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable)*:

☐ Có/ *Yes* ☐ Không/ *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán)/ *Profit after tax in the reporting period shows a variance of 5% or more before and after the audit or shifts between profit and loss (for audited financial statements)*:

☐ Có /*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable)*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *After-tax corporate income profit in the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:*

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☑ Có /*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *After-tax profit in the reporting period shows a loss, shifting from profit in the same period last year to a loss this period, or vice versa:*

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation document (if applicable)*:

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30./10/2026 tại đường dẫn: https://bcgenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2026

This information was published on the company's website on:30./10/2026 at the link: https://bcgenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2026

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attached documents:
-BCTC riêng lẻ và Hợp nhất Quý 3 năm 2026/ *Financial statements (separate and consolidated) for Q3 2026*
- Văn bản giải trình biến động kết quả SXKD Quý 3 năm 2026/*Explanatory document on fluctuations in business results for Q3/2026*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI UQCBTT
INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

M.S.D.N: 0314445458 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ III KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ III KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2026

NỘI DUNG **TRANG**

Báo cáo tình hình tài chính riêng (Mẫu số B 01a – DN)	1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02a – DN)	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03a – DN)	4
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09a – DN)	5

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0314445458 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 8 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng Quản trị

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên
Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban
(*) Ông Nguyễn Viết Cương	Phó ban
Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 30/04/2026
Ông Tan Bo Quan, Andy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 30/04/2026
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 1/5/2026
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2026
Ông Đặng Đình Quyết	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mai Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 26/03/2026
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 07/05/2026
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2026
Ông Lưu Khánh Trường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 15/09/2026
Bà Trần Thị Thủy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 15/09/2026

Người đại diện theo pháp luật

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tan Bo Quan, Andy	Tổng Giám đốc

(*) Đã nộp đơn từ nhiệm chức vụ ngày 09/1/2026 và đang chờ Đại hội đồng cổ đông thông qua

Trụ sở chính

LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo Tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 1 đến trang 46. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Tan Bo Quan, Andy
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 01a – DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2026 VND	31.12.2025 (Trình bày lại) VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.621.802.383.972**	**3.742.615.597.295**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**13.753.393.205**	**10.625.749.278**
111	Tiền		753.393.205	10.625.749.278
112	Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	-
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**2.547.685.593.488**	**2.665.899.992.467**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	945.209.234.147	2.722.119.992.467
124	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	4(a)	(57.337.495.726)	(56.220.000.000)
125	Đầu tư ngắn hạn khác	4(b)	1.659.813.855.067	-
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.059.556.396.516**	**1.063.846.237.926**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	52.192.075.500	56.799.205.187
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	295.519.279.121	295.529.627.300
135	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	713.543.157.185	713.215.520.729
136	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	6; 7(a)	(1.698.115.290)	(1.698.115.290)
160	**Tài sản ngắn hạn khác**		**807.000.763**	**2.243.617.624**
161	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	807.000.763	2.243.617.624
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.835.630.554.884**	**4.358.818.225.404**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**910.000.000**	**910.000.000**
215	Phải thu dài hạn khác	7(b)	910.000.000	910.000.000
220	**Tài sản cố định**		**4.345.990.694**	**5.158.659.047**
221	Tài sản cố định hữu hình	9	4.345.990.694	5.158.659.047
222	Nguyên giá		10.011.187.166	10.011.187.166
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.665.196.472)	(4.852.528.119)
250	**Tài sản dở dang dài hạn**		**1.788.659.873**	**1.751.640.673**
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.788.659.873	1.751.640.673
260	**Đầu tư tài chính dài hạn**	4	**4.828.513.696.559**	**4.350.971.155.204**
261	Đầu tư vào công ty con		5.421.375.173.850	5.421.375.173.850
262	Đầu tư vào công ty liên kết		500.774.131.481	500.774.131.481
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		128.145.000.000	128.145.000.000
264	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.585.856.945.757)	(1.734.791.347.387)
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	364.076.336.985	35.468.197.260
270	**Tài sản dài hạn khác**		**72.207.758**	**26.770.480**
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	8(b)	72.207.758	26.770.480
280	**TỔNG TÀI SẢN**		**8.457.432.938.856**	**8.101.433.822.699**

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 01a – DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2026 VND	31.12.2025 (Trình bày lại) VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**1.998.466.384.094**	**1.684.433.288.960**
310	**Nợ ngắn hạn**		**1.698.466.384.094**	**1.684.433.288.960**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	588.064.727.107	591.109.423.136
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	834.223.003.467	833.373.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.577.466.518	1.550.242.982
315	Phải trả người lao động		1.855.571.952	2.172.977.500
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	36.230.560.902	10.481.708.742
319	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn		114.021.887.481	114.021.887.481
320	Phải trả ngắn hạn khác	14	3.807.012.563	504.323.119
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15(a)	118.686.154.104	131.219.726.000
330	**Nợ dài hạn**		**300.000.000.000**	-
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15(b)	300.000.000.000	-
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**6.458.966.554.762**	**6.417.000.533.739**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16,17	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
420	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	(841.033.445.238)	(882.999.466.261)
420a	- LNST chưa phân phối/(lỗ) lũy kế của các năm trước		(882.999.466.261)	(798.854.321.447)
420b	- LNST chưa phân phối của kỳ này/năm nay		41.966.021.023	(84.145.144.814)
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**8.457.432.938.856**	**8.101.433.822.699**

M.S.D.N: 0314445458 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY ★ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Kim Nhung	Trần Thị Thủy	Tan Bo Quan, Andy
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
		Ngày 30 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ III NĂM 2026

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2026 VND	30.09.2025 VND	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
01	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**		**9.887.041.003**	**14.378.087.000**	**29.556.868.009**	**43.143.051.000**
10	**Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ**	18	**9.887.041.003**	**14.378.087.000**	**29.556.868.009**	**43.143.051.000**
11	**Giá vốn dịch vụ cung cấp**	19	**(5.288.309.228)**	**(6.636.118.085)**	**(15.900.298.525)**	**(20.114.671.281)**
20	**Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**		**4.598.731.775**	**7.741.968.915**	**13.656.569.484**	**23.028.379.719**
22	Doanh thu hoạt động tài chính	20	(194.286.159.117)	55.209.574.728	(67.030.879.866)	163.876.363.058
23	Chi phí tài chính	21	236.506.544.197	(65.221.892.289)	115.936.318.377	(234.421.566.979)
24	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		(11.769.989.991)	(1.739.784.874)	(32.998.083.253)	(4.919.735.670)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	215.772.412.097	(6.212.495.825)	(20.356.101.986)	(19.771.356.299)
30	**(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**262.591.528.952**	**(8.482.844.471)**	**42.205.906.009**	**(67.288.180.501)**
32	Chi phí khác	23	(76.338.618)	(33.454.000)	(239.884.986)	(99.229.043)
40	**(Lỗ)/Lợi nhuận khác**		**(76.338.618)**	**(33.454.000)**	**(239.884.986)**	**(99.229.043)**
50	**Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế**		**262.515.190.334**	**(8.516.298.471)**	**41.966.021.023**	**(67.387.409.544)**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	24	-	-	-	-
60	**(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**262.515.190.334**	**(8.516.298.471)**	**41.966.021.023**	**(67.387.409.544)**

Nguyễn Thị Kim Nhung
Người lập

Trần Thị Thủy
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Tan Bo Quan, Andy
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**(Lỗ)/ Lợi nhuận trước thuế**		**41.966.021.023**	**(67.387.409.544)**
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		812.668.353	760.802.390
03	Các khoản trích lập dự phòng		(147.816.905.904)	229.501.831.309
05	Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư, tài chính		67.030.879.866	(52.145.879.719)
06	Chi phí lãi vay		32.998.083.253	4.919.735.670
08	**(Lỗ)/ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(5.009.253.409)**	**115.649.080.106**
09	(Tăng)/ giảm các khoản phải thu		4.244.404.132	(150.442.403.577)
11	Tăng/ (giảm) các khoản phải trả		(4.407.065.562)	(14.897.755)
12	(Tăng)/ giảm chi phí trả trước		1.436.616.861	(317.238.321)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.061.369.861)	(1.177.591.644)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(5.796.667.839)**	**(36.303.051.191)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(347.050.110)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(314.697.527.165)	(117.733.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34.975.000.000	292.873.708.553
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(294.030.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.180.410.827	24.349.509.742
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(278.542.116.338)**	**(94.886.831.815)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		319.366.428.104	275.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(31.900.000.000)	(201.950.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**287.466.428.104**	**73.050.000.000**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**3.127.643.927**	**(58.139.883.006)**
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	10.625.749.278	58.337.410.053
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	3	**13.753.393.205**	**197.527.047**

Nguyễn Thị Kim Nhung	Trần Thị Thủy	Tan Bo Quan, Andy
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
		Ngày 30 tháng 10 năm 2026

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 20 vào ngày 8 tháng 5 năm 2026 về việc thay đổi Tổng giám đốc Đại diện pháp luật.

Chi tiết cổ đông của Công ty và tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 16.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 12 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, 7 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 12 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, 7 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30.09.2026		31.12.2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
	Công ty con trực tiếp						
1	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Tây Ninh	90,00	90,00	90,00	90,00
2	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Ia Rsai, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Trung Ngãi, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công Ty Cổ Phần Skylar	Sx điện - tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50,97	50,23	50,97	50,23
7	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Gia Hòa, Cần Thơ	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Duyên Hải, Vĩnh Long	100,00	99,90	100,00	99,90
9	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Duyên Hải, Vĩnh Long	100,00	99,93	100,00	99,93
10	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30.09.2026		31.12.2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
	Công ty con trực tiếp (tiếp theo)						
11	Công Ty Cổ Phần BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Sản xuất điện	Điện Biên	99,98	99,98	99,98	99,98
12	Công Ty Cổ Phần Aton	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	85,00	85,00	85,00	85,00
	Công ty con gián tiếp						
1	Công Ty Cổ Phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
2	Công Ty Cổ Phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
3	Công Ty Cổ Phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Tây Ninh	99,90	50,23	99,90	50,23
5	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Tây Ninh	99,90	50,23	99,90	50,23
6	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99,80	98,80	99,80	98,80
	Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp						
1	Công Ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công Ty TNHH BGE O&M	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Xử lý chất thải rắn	TP. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	25,00	25,00
4	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	Xử lý chất thải rắn	Tân Tây, Tây Ninh	45,00	45,00	45,00	45,00
5	Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	Xử lý chất thải rắn	Vĩnh Thông, An Giang	45,00	45,00	45,00	45,00
6	Công Ty Cổ Phần TSN Hà Nam	Xử lý chất thải rắn	Duy Hà, Ninh Bình	45,00	45,00	45,00	45,00
7	Công Ty Cổ Phần TSN Huế	Xử lý chất thải rắn	TP Huế	45,00	45,00	45,00	45,00
	Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con						
1	Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

(i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 67 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 86 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Báo cáo tình hình tài chính riêng . Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ cuối các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính khác do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.
Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026
Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh.
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026
Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ

Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của báo cáo tình hình tài chính riêng đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(d) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(e) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(f) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

(i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản; bản chất là giao dịch cho vay (doanh nghiệp góp vào BCC bằng tiền).

(ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

(iii) Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế. Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BCC trong kỳ.

(iv) Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế. Công ty sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng . Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng dựa vào ngày thông báo của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu; dự phòng đầu tư tài chính; chi phí tài chính khác.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ kế toán hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng .

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và các công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	753.393.205	10.625.749.278
Tương đương tiền (**)	13.000.000.000	-
	13.753.393.205	**10.625.749.278**

(*) Số dư tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 595.479.790 đồng.

Số dư tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội là 98.438.760 đồng.

(**) Tiền gửi VND có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 4,75%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30.09.2026		Tại ngày 31.12.2025 (Trình bày lại)	
	Giá trị gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	592.380.000	-	592.380.000	-
Cho vay	944.616.854.147	(57.337.495.726)	2.721.527.612.467	(56.220.000.000)
Trong đó:				
Gốc cho vay	24.954.000.000	(726.000.000)	24.954.000.000	-
Lãi cho vay	4.193.686.756	(58.873.809)	2.611.648.014	-
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (i)	915.469.167.391	(56.552.621.917)	2.693.961.964.453	(56.220.000.000)
	945.209.234.147	**(57.337.495.726)**	**2.722.119.992.467**	**(56.220.000.000)**
Dài hạn				
Cho vay	364.076.336.985	-	35.468.197.260	-
Trong đó:		-		-
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (**)	364.076.336.985	-	35.468.197.260	-
	364.076.336.985	**-**	**35.468.197.260**	**-**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

(*) Tiền gửi VND có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,9%/năm.

(**) Theo BCC ký ngày 11 tháng 12 năm 2025 giữa Công ty và Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa (tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, TP HCM). Thời gian hợp tác là 60 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng và việc phân chia lợi nhuận Bên đóng góp nhận được một phần của khoản thu nhập trước thuế từ lợi nhuận Dự án tạo ra, nhưng không ít hơn 12%/ năm. Khoản chi trả lợi nhuận đầu tiên sẽ được thanh toán vào ngày cuối cùng của khoảng thời gian 24 tháng sau ngày góp vốn hợp tác lần đầu, các kỳ tiếp theo sẽ thanh toán vào ngày cuối cùng của chu kỳ 6 tháng

(i) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản đầu tư này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "29. Vấn đề khác" của báo cáo này.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 30.09.2026		Tại ngày 31.12.2025 (Trình bày lại)	
	Giá trị gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn				
Gốc BCC	1.659.813.855.067	-	-	-
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 2(b)) (**)	1.659.813.855.067	-	-	-
	1.659.813.855.067	-	-	-

(**) Theo BCC số 270421BCG-KL1 ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 6 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Sau khi Dự án đi vào hoạt động, có doanh thu, tạo ra lợi nhuận, và các bên được phân chia lợi nhuận từ chủ đầu tư của Dự án, theo đó các bên sẽ phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. Việc phân chia lợi nhuận được thực hiện khi quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình theo giai đoạn và được quyết toán lần cuối vào ngày kết thúc hợp đồng theo phụ lục số 10 Hợp đồng 270421 BCG – KL1 ngày 30 tháng 10 năm 2026.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Dài hạn

- *Đầu tư vào công ty con*

	Tại ngày 30.09.2026			Tại ngày 31.12.2025 (Trình bày lại)		
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	1.062.539.986.488	(*)	(363.347.547.959)	1.062.539.986.488	(*)	(373.324.212.087)
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	806.475.000.000	(*)	(37.817.583.652)	806.475.000.000	(*)	(32.502.732.944)
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	761.525.278.271	(*)	-	761.525.278.271	(*)	-
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	742.500.000.000	(*)	(113.212.255.523)	742.500.000.000	(*)	(280.395.705.767)
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	567.350.000.000	(*)	(163.947.476.555)	567.350.000.000	(*)	(163.665.440.867)
Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	540.000.000.000	(*)	(240.660.329.715)	540.000.000.000	(*)	(233.679.793.835)
Công Ty Cổ Phần Skylar	495.000.000.000	(*)	(34.049.369.516)	495.000.000.000	(*)	(50.591.891.850)
Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	181.340.909.091	(*)	(15.121.359.963)	181.340.909.091	(*)	(15.284.741.623)
Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	122.400.000.000	(*)	(56.171.076.942)	122.400.000.000	(*)	(24.486.168.755)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa (**)	108.000.000.000	(*)	(2.248.098.810)	108.000.000.000	(*)	(2.245.739.670)
Công Ty Cổ Phần BCG Điện Gió Điện Biên Đông	29.994.000.000	(*)	(21.181.639)	29.994.000.000	(*)	(19.721.048)
Công Ty Cổ Phần Aton	4.250.000.000	(*)	(9.546.861)	4.250.000.000	(*)	(9.546.861)
	5.421.375.173.850		**(1.026.605.827.135)**	**5.421.375.173.850**		**(1.176.205.695.307)**

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản đầu tư này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "29. Vấn đề khác" của báo cáo này.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- *Đầu tư vào công ty liên kết*

	Tại ngày 30.09.2026			Tại ngày 31.12.2025 (Trình bày lại)		
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	369.494.648.148	(*)	(369.494.648.148)	369.494.648.148	(*)	(369.494.648.148)
Công Ty Cổ Phần TSN Hà Nam	3.130.833.333	(*)	(3.130.833.333)	3.130.833.333	(*)	(3.130.833.333)
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	47.275.833.333	(*)	(47.275.833.333)	47.275.833.333	(*)	(47.275.833.333)
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	11.718.750.000	(*)	(11.718.750.000)	11.718.750.000	(*)	(11.718.750.000)
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	42.419.166.667	(*)	(42.419.166.667)	42.419.166.667	(*)	(42.419.166.667)
Công Ty TNHH Skylight Power	24.529.900.000	(*)	(4.017.384.851)	24.529.900.000	(*)	(3.342.586.574)
Công Ty TNHH BGE O&M	2.205.000.000	(*)	-	2.205.000.000	(*)	-
	500.774.131.481		**(478.056.616.332)**	**500.774.131.481**		**(477.381.818.055)**

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- *Đầu tư vào đơn vị khác*

	Tại ngày 30.09.2026			Tại ngày 31.12.2025 (Trình bày lại)		
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - BCG Băng Dương	785.000.000	(*)	(194.502.290)	785.000.000	(*)	(203.834.025)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG - Băng Dương	360.000.000	(*)	-	360.000.000	(*)	-
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1 (**)	59.400.000.000	(*)	(59.400.000.000)	59.400.000.000	(*)	(59.400.000.000)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Dương Phong	21.600.000.000	(*)	(21.600.000.000)	21.600.000.000	(*)	(21.600.000.000)
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Vịnh Nha Trang (***)	46.000.000.000		-	46.000.000.000		-
	128.145.000.000		**(81.194.502.290)**	**128.145.000.000**		**(81.203.834.025)**

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản đầu tư này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "29. Vấn đề khác" của báo cáo này.

(***) Theo BCC ký ngày 6 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Vịnh Nha Trang, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió E&M Đắk lắk. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và việc phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	52.192.075.500	56.799.205.187

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30.09.2026		31.12.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên thứ ba				
Vũ Ngọc Tiến (*)	294.030.000.000	-	294.030.000.000	-
Viện Năng Lượng	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
Khác	409.279.121	46.506.600	419.627.300	46.506.600
	295.519.279.121	**1.026.506.600**	**295.529.627.300**	**1.026.506.600**

(*) Đây là khoản tiền trả trước thanh toán liên quan đến việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công Ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 từ Ông Vũ Ngọc Tiến theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 0115/2025/HĐMBCP-KL1/VNT-BCGE ký ngày 15 tháng 01 năm 2025

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2026		31.12.2025 (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đặt cọc	711.881.050.297	-	711.881.050.297	-
Nguyễn Thị Bích Lan(*)	*592.896.600.000*	-	*592.896.600.000*	-
Công Ty TNHH Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu – Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàng Vũ (**)	*118.935.250.000*	-	*118.935.250.000*	-
Đối tượng khác	*49.200.297*	-	*49.200.297*	-
Tạm ứng	702.665.903	-	375.029.447	-
Phải thu khác	959.440.985	671.608.690	959.440.985	671.608.690
	713.543.157.185	**671.608.690**	**713.215.520.729**	**671.608.690**
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	959.440.985	671.608.690	959.440.985	671.608.690
Bên thứ ba	712.583.716.200	-	712.256.079.744	-
	713.543.157.185	**671.608.690**	**713.215.520.729**	**671.608.690**

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Nguyễn Thị Bích Lan theo Hợp đồng về việc đặt cọc và các nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(**) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công Ty CP BCG Vĩnh Long từ Công Ty TNHH Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu – Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàng Vũ theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2024/HĐMBCP/HV-BCGE ký ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(b) Dài hạn

	30.09.2026		31.12.2025 (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	910.000.000	-	910.000.000	-
	910.000.000	**-**	**910.000.000**	**-**

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	82.895.347	-
Chi phí khác chờ phân bổ	724.105.416	2.243.617.624
	807.000.763	**2.243.617.624**

(b) Dài hạn

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	40.829.868	25.617.057
Chi phí khác chờ phân bổ	31.377.890	1.153.423
	72.207.758	**26.770.480**

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	155.200.001	9.468.775.455	387.211.710	**10.011.187.166**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	155.200.001	9.468.775.455	387.211.710	**10.011.187.166**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	153.341.648	4.588.346.773	110.839.698	**4.852.528.119**
Khấu hao trong kỳ	1.858.353	726.732.072	84.077.928	**812.668.353**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	155.200.001	5.315.078.845	194.917.626	**5.665.196.472**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	1.858.353	4.880.428.682	276.372.012	**5.158.659.047**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	-	4.153.696.610	192.294.084	**4.345.990.694**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 là 206.100.001 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 94.600.001 Đồng).

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2026		31.12.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công Ty TNHH Xây Dựng Trường Phát Lợi (Tên cũ: Công Ty TNHH Xây Dựng Thuận Nguyên)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ông Ngô Đức Thắng	324.900.000.000	324.900.000.000	324.900.000.000	324.900.000.000
Ông Nguyễn Văn Lục	142.627.982.231	142.627.982.231	142.627.982.231	142.627.982.231
Các đối tượng khác	28.300.749.236	28.300.749.236	31.523.645.265	31.523.645.265
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	62.235.995.640	62.235.995.640	62.057.795.640	62.057.795.640
	588.064.727.107	**588.064.727.107**	**591.109.423.136**	**591.109.423.136**

11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (i)	834.223.003.467	833.373.000.000

(i) Đây là khoản trả trước liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1 và Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2 cho Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy theo Hợp đồng số 01.2021.AURAI.BCGE ký ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Hợp đồng ký kết ngày 27 tháng 12 năm 2022.

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2026 VND	Phải nộp/thu trong kỳ VND	Cấn trừ trong kỳ VND	Số đã thực nộp/thu trong kỳ VND	Tại ngày 30.09.2026 VND
(a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	555.886.516	2.226.954.814	(349.232.774)	(1.959.070.347)	474.538.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	994.356.466	2.601.182.787	-	(2.492.610.944)	1.102.928.309
Thuế khác	-	-	-	-	-
	1.550.242.982	4.828.137.601	(349.232.774)	(4.451.681.291)	1.577.466.518
(b) Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	-	349.232.774	(349.232.774)	-	-
				=	=

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí lãi vay	35.203.502.902	7.287.460.743
Chi phí nhân viên	10.000.000	1.929.209.999
Khác	1.017.058.000	1.265.038.000
	36.230.560.902	**10.481.708.742**

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	284.169.484	114.590.976
Phải trả khác	3.522.843.079	389.732.143
	3.807.012.563	**504.323.119**

15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Vay ngắn hạn

		Tại ngày 01.01.2026 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2026 VND
Các đối tượng khác	(i)	131.219.726.000	56.219.726.000	88.119.726.000	99.319.726.000
Ngân hàng	(ii)	-	19.366.428.104	-	19.366.428.104
		131.219.726.000	**75.586.154.104**	**88.119.726.000**	**118.686.154.104**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn với đối tượng khác như sau:

	Bên cho vay	Số tiền	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
(i)	Ông Phạm Minh Tuấn	56.219.726.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/05/2026	10	Tín chấp
(i)	Công ty TNHH ĐT&TM Minh Phương Nam Hà Nội	43.100.000.000	Bổ sung vốn cho việc thực hiện các dự án	Đến 15/12/2025	9	Tín chấp
(ii)	Ngân hàng TMCP Nam Á	19.366.428.104	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng kể từ lần giải ngân	Quy định trong từng Giấy nhận nợ	Công trình xây dựng lò đốt rác số 02 thuộc Nhà máy xử lý rác thải TP. Rạch Giá, Kiên Giang

15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

		Tại ngày 01.01.2026 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2026 VND
Ngân hàng TMCP Nam Á	(i)	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
		-	**300.000.000.000**	**-**	**300.000.000.000**

(i) Hợp đồng tín dụng từng lần số 0007/2026/100-CV giữa Công ty CP BCG Energy và Ngân hàng TMCP Nam Á được lập ngày 16/01/2026. Số tiền cho vay từng lần 300 tỷ. Thời hạn 60 tháng kể từ ngày vay, kỳ hạn trả gốc từ ngày 16/01/2028 đến 16/01/2031. Lãi suất 12%/năm. Tài sản thế chấp là Toàn bộ giá trị phần vốn góp/cổ phần của BCGE đã góp vào Công ty Cổ phần Skylar
Tài sản nhận kèm: Toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh (bao gồm cả quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán khác) được hưởng từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2025/HTKD/BCGE-TSN ngày 11/12/2025 được ký kết giữa Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa.

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.09.2026		31.12.2025	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	730.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2026		31.12.2025	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital (*)	348.300.000	47,71	348.300.000	47,71
Công ty TNHH Mua bán nợ Nam Sài Gòn (*)	44.600.000	6,11	44.600.000	6,11
Công ty CP Đầu tư và Mua bán nợ Sài Gòn	40.900.000	5,60	40.900.000	5,60
Cổ đông khác	296.200.000	40,58	296.200.000	40,58
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	100	730.000.000	100

(*) Công ty TNHH mua bán nợ Nam Sài Gòn đã ủy quyền biểu quyết cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital với 25 triệu cổ phiếu tương ứng với 3,42% tỷ lệ quyền biểu quyết. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital đang nắm giữ 51,1% quyền biểu quyết tại Công ty.

(c) Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	7.300.000.000.000	(798.854.321.447)	6.501.145.678.553
Tăng vốn trong năm	-	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận trong năm	-	(84.145.144.814)	(84.145.144.814)
Tại ngày 31/12/2025	7.300.000.000.000	(882.999.466.261)	6.417.000.533.739
Tại ngày 01/01/2026	7.300.000.000.000	(882.999.466.261)	6.417.000.533.739
(Lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	-	41.966.021.023	41.966.021.023
Tại ngày 30/09/2026	7.300.000.000.000	(841.033.445.238)	6.458.966.554.762

18 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	29.556.868.009	43.143.051.000

19 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.900.298.525	20.114.671.281

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Lãi từ BCC	(119.414.058.333)	111.730.483.339
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.383.178.467	52.145.879.719
	(67.030.879.866)	**163.876.363.058**

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Dự phòng đầu tư tài chính	(148.934.401.630)	229.501.831.309
Chi phí lãi vay	32.998.083.253	4.919.735.670
	(115.936.318.377)	**234.421.566.979**

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.031.320.522	10.900.747.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.871.874.145	7.606.471.738
Chi phí khấu hao	244.330.936	279.047.861
Chi phí bằng tiền khác	1.091.080.657	985.089.569
Chi phí dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.117.495.726	-
	20.356.101.986	**19.771.356.299**

23 CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Các khoản khác	239.884.986	99.229.043

24 THUẾ TNDN

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế	**41.966.021.023**	**(67.387.409.544)**
Các khoản điều chỉnh tăng	239.884.986	348.658.013
Thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	**42.205.906.009**	**(67.038.751.531)**
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(858.224.653.264)	(858.224.653.264)
Tổng thu nhập tính thuế	**(816.018.747.255)**	**(925.263.404.795)**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (*)	**-**	**-**

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

25 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí nhân viên	24.369.898.003	26.601.337.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.104.380.480	10.465.951.130
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.163.919.060	971.309.476
Chi phí bằng tiền khác	1.500.707.242	1.847.429.157
	35.138.904.785	**39.886.027.580**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Skylar	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con
Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Aton	Công ty con
Công Ty Cổ Phần BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Công ty con
Công Ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết
Công Ty TNHH BGE O&M	Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần TSN Hà Nam	Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	Cùng công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Điện gió BCG Khai Long 1	Bên liên quan khác
Công Ty Cổ Phần Điện gió BCG Khai Long 2	Bên liên quan khác
Công Ty Cổ Phần Điện gió BCG Khai Long 3	Bên liên quan khác
Công Ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ kế toán gồm:

		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
i)	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**		
	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư-Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	3.139.815.195	19.819.520.000
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	10.080.960.000	10.198.700.000
	Công Ty Cổ Phần Skylar	4.667.300.000	5.142.550.000
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	-	2.213.568.000
	Công Ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	2.307.213.000	2.311.713.000
	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	2.560.020.000	2.557.000.000
	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	900.000.000	900.000.000
	Công Ty TNHH BGE O&M	1.415.000.000	-
	Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	2.243.279.907	-
	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	2.243.279.907	-
		29.556.868.009	**43.143.051.000**
ii)	**Mua dịch vụ**		
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	165.000.000	2.145.000.000
	Công Ty Taxi Việt Nam	-	23.503.000
	Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA	207.867.814	464.433.615
		372.867.814	**2.632.936.615**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
iii)	**Cho Vay**		
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	-	6.746.000.000
	Công Ty Cổ Phần Skylar	9.600.000.000	1.100.000.000
	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	2.687.527.165	-
	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	-	85.540.000.000
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	180.000.000	11.772.000.000
	Công Ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	2.230.000.000	7.000.000.000
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	-	460.000.000
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	-	3.340.000.000
		14.697.527.165	**115.958.000.000**
iv)	**Lãi Cho Vay**		
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	10.030.708.108	10.030.708.108
	Công Ty Cổ Phần Skylar	4.697.369.754	4.062.610.850
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	10.495.175.627	9.975.742.122
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	16.907.929.646	16.981.468.766
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	13.390.027
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	30.964.930	27.636.874
	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	-	39.325.808
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	234.929.586	69.688.108
	Công Ty Cổ phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	745.478.804	993.042.889
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	738.867.698
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	40.389.039	40.389.039
	Công Ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	2.448.969.041	2.429.568.494
	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	1.682.879	1.682.879
	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	160.208.757	-
	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	1.394.414.779	1.394.414.779
	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	3.582.507.948	3.582.507.948
		50.770.728.898	**50.381.044.389**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
v)	**Lãi BCC**		
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	(148.022.198.058)	111.730.483.339
	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	28.608.139.725	-
		(119.414.058.333)	**111.730.483.339**
vi)	**Thu hồi cho vay**		
	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	-	9.968.000.000
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	-	2.520.180.000
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	-	1.644.000.000
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	-	28.490.000.000
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	3.394.000.000
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	192.592.000.000
	Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	34.975.000.000	8.265.528.553
		34.975.000.000	**246.873.708.553**
vii)	**Vay**		
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	-	200.000.000.000
		=	=
viii)	**Thanh toán gốc vay**		
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	-	200.000.000.000
		=	=
ix)	**Lãi đi vay**		
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	-	383.561.644
		=	=
x)	**Chuyển tiền BCC cho**		
	Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	300.000.000.000	-
			=

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026	30.09.2025
		VND	VND
xi) Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt			
Họ và tên	**Chức danh**		
Hội đồng quản trị			
Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch HĐQT	630.000.000	105.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT	450.000.000	75.000.000
Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên HĐQT	180.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên HĐQT	180.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	30.000.000
Ban Kiểm Soát			
Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	378.000.000	364.500.000
Ông Nguyễn Viết Cương	Phó ban kiểm soát	70.344.000	63.816.000
Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên kiểm soát	70.344.000	11.724.000
Ban Tổng giám đốc			
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	473.820.000	825.700.000
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó tổng giám đốc	262.000.000	906.760.000
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó tổng giám đốc	386.340.000	1.033.223.128
Bà Phạm Thị Mai Phương	Phó tổng giám đốc	401.923.636	-
Ông Hoàng Trung Thành	Phó tổng giám đốc	-	154.740.000
Ông Đặng Đình Quyết	Phó tổng giám đốc	457.600.000	457.660.000
Ông Phạm Lê Quang	Phó tổng giám đốc	817.100.000	817.360.000
Ông Tan Bo Quan, Andy	Tổng Giám đốc	525.480.000	-
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó tổng giám đốc	192.380.952	-
		5.655.332.588	**4.905.483.128**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

		30.09.2026 VND	31.12.2025 VND (Trình bày lại)
i)	**Phải thu ngắn hạn của khách hàng**		
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	16.912.821.600	21.386.729.600
	Công Ty Cổ Phần Skylar	13.230.359.500	10.230.161.500
	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	10.461.972.000	7.970.181.960
	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	11.278.042.400	8.535.974.400
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	-	1.597.268.160
	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	-	5.652.742.389
	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	108.000.000	324.000.000
	Công Ty TNHH BGE O&M	200.880.000	-
	Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	-	269.193.589
	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	-	269.193.589
	Công Ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	-	299.160.000
	Công Ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	264.600.000
		52.192.075.500	**56.799.205.187**
ii)	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Ngắn hạn**		
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	261.555.403.559	251.524.695.451
	Công Ty Cổ Phần Skylar	80.480.181.479	66.532.811.725
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	127.968.811.541	118.093.635.914
	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	39.325.808	39.325.808
	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	44.766.001.919	40.087.032.878
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	759.632.870	719.243.831
	Công Ty TNHH Skylight Power	57.168.742	57.168.742
	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	31.189.049	29.506.170
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	290.759.215.619	2.081.687.339.098
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	13.390.028	13.390.028
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	529.036.872	498.071.942
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	3.872.320.982	3.637.391.396
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	738.867.698	738.867.698
	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	24.290.171.950	22.895.757.171
	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	61.592.307.952	58.009.800.004
	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	14.163.609.511	48.393.130.707
	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	3.852.531.812	1.004.795.890
		915.469.167.391	**2.693.961.964.453**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

		30.09.2026 VND	31.12.2025 VND (Trình bày lại)
iii)	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Dài hạn**		
	Công Ty Cổ phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	364.076.336.985	35.468.197.260
iv)	**Đầu tư vào đơn vị khác – Ngắn hạn**		
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	1.659.813.855.067	-
v)	**Phải trả người bán ngắn hạn**		
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	58.000.000.000	58.000.000.000
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	4.223.000.000	4.044.800.000
	Công Ty Taxi Việt Nam	12.995.640	12.995.640
		62.235.995.640	**62.057.795.640**
vi)	**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**		
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	833.373.000.000	833.373.000.000
	Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	376.777.823	-
	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	473.225.644	-
		834.223.003.467	**833.373.000.000**
vii)	**Trả trước cho người bán**		
	Công Ty Taxi Việt Nam	100.000.000	100.000.000
viii)	**Phải thu ngắn hạn khác**		
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	959.440.985	959.440.985

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động
Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Dưới 1 năm	3.680.000.000	3.725.000.000
Từ 1 đến 5 năm	10.149.000.000	12.849.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	**13.829.000.000**	**16.574.000.000**

29 VẤN ĐỀ KHÁC

Trong kỳ tài chính, thông qua quá trình tự rà soát và cập nhật thông tin, Công ty có ghi nhận một số thông tin (chưa được các ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi thông báo/xác nhận chính thức) liên quan đến việc thực hiện chào bán, đấu giá tài sản tại một số đơn vị thành viên, cụ thể như sau:

- Ngày 30/03/2025, Ngân hàng TMCP Nam Á có phát hành thông báo chào bán tài sản số 84F/2025/TB-AMC liên quan đến chào bán tài sản bảo đảm là toàn bộ cổ phần do Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hoá phát hành (số lượng cổ phần chào bán là 12.000.000 cổ phần). Khoản cổ phần này đang được Công ty trình bày là khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính tại Thuyết minh 04(b) – Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị.

- Ngày 29/08/2025, Ngân hàng TMCP Nam Á có phát hành thông báo kết quả chào bán tài sản số 1142/2025/TB-AMC liên quan đến tài sản đảm bảo là Quyền và lợi ích phát sinh từ việc kinh doanh khai thác dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1. Bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Quyền kinh doanh, khai thác, phát triển dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1; (ii) Toàn bộ nguồn thu cùng với tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1; (iii) Toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác hiện có hoặc hình thành trong tương lai bất kể phát sinh từ dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.
- Ngày 04/12/2025, Công ty đấu giá hợp danh Cao Nguyên có phát hành thông báo số 1012.02/2025/TBĐG-CAONGUYEN về thông báo đấu giá tài sản là cổ phần/cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 do Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2 phát hành (Số lượng cổ phần/cổ phiếu đấu giá là 29.700.000 cổ phần).
  Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính này, Công ty đang có khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với số dư gốc phải thu là 1.659.813.855.067 đồng vào dự án Khai Long 1, số dư phải thu gốc và lãi cho vay là 290.759.215.619 đồng; Công ty đang có số dư phải thu lãi cho vay là 738.867.698 đồng với Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2; số dư phải thu cho vay và lãi cho vay là 31.189.049 đồng với Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa. Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa là 105.751.901.190 đồng.
  Công ty chưa có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy mức độ ảnh hưởng cụ thể. Tuy nhiên, trong trường hợp giá trị thu hồi thấp hơn giá trị ghi sổ, Công ty có khả năng phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính và dự phòng các khoản phải thu cho một phần hoặc toàn bộ số dư nêu trên là 2.057.095.028.623 đồng.

29 VẤN ĐỀ KHÁC (tiếp theo)

Các bộ phận liên quan chỉ được tiếp cận thông tin dựa trên tin tức công khai và đã báo cáo đầy đủ các thông tin nêu trên cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát trên nguyên tắc kế toán thận trọng, tuân thủ các chuẩn mực, quy định hiện hành để ra quyết định. Với vai trò là cấp quản lý điều hành làm việc trực tiếp với đối tác, có đầy đủ thông tin và nắm bắt bản chất tình hình thực tế của các giao dịch, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát có những đánh giá cụ thể, chi tiết như sau:

- Các thông báo chào bán, kết quả đấu giá tài sản bảo đảm nêu trên là hành vi đơn phương của tổ chức tín dụng theo quy trình xử lý nợ. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính, chưa phát sinh quyết định thi hành cưỡng chế, bản án có hiệu lực pháp luật, hay giao dịch chuyển nhượng hoàn tất dẫn đến việc Công ty mất quyền sở hữu hoặc kiểm soát đối với các tài sản, khoản đầu tư liên quan;
- Công ty vẫn đang nắm giữ quyền biểu quyết tại các đơn vị thành viên theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
- Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát đã và đang phối hợp, trao đổi với các tổ chức tín dụng và các bên liên quan để tìm hiểu về hiện trạng và phương án xử lý phù hợp, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành;
- Về tính chất pháp lý của các tài sản bảo đảm liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 theo thông báo của ngân hàng:

    + Quyền kinh doanh khai thác dự án gắn liền với Giấy phép hoạt động điện lực: Đây không phải là tài sản có thể tự do chuyển nhượng. Quyền này gắn liền với Giấy phép do Bộ Công Thương cấp cho pháp nhân cụ thể (công ty dự án). Việc chuyển giao quyền khai thác cho bên thứ ba đòi hỏi phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện thay đổi giấy phép, và trong nhiều trường hợp cần sự đồng ý của EVN theo Hợp đồng mua bán điện (PPA).
    + Nguồn thu gắn liền với Hợp đồng mua bán điện (PPA): Toàn bộ nguồn thu từ dự án phát sinh từ PPA ký giữa công ty dự án và EVN. PPA là hợp đồng song phương, do đó việc chuyển nhượng quyền hưởng nguồn thu cho bên thứ ba cần có sự chấp thuận của bên mua điện (EVN). Đây không phải là quyền mà tổ chức tín dụng có thể đơn phương chuyển giao

    + Máy móc, thiết bị và động sản của dự án: Đây là bộ phận cấu thành hệ thống vận hành của nhà máy điện gió, chính hệ thống này tạo ra nguồn thu đang là tài sản bảo đảm. Tại ngày lập báo cáo tài chính, chưa phát sinh việc thu giữ, kê biên, hay bàn giao thực tế bất kỳ tài sản nào; toàn bộ máy móc thiết bị vẫn do công ty dự án chiếm hữu và sử dụng.

Trên cơ sở các thông tin và bằng chứng hiện có tại ngày lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát đánh giá rằng chưa có đủ cơ sở đáng tin cậy để kết luận các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị (Thuyết minh 04b) đã bị suy giảm giá trị không thể phục hồi, hoặc các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 04a) không còn khả năng thu hồi. Do đó, Công ty không ghi nhận trích lập dự phòng bổ sung đối với các khoản mục này tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên Công ty vẫn xác nhận các khoản mục này có rủi ro và cần theo dõi.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát Công ty cam kết tiếp tục theo dõi sát diễn biến, đánh giá lại tác động khi có thông tin hoặc sự kiện mới phát sinh, và sẽ điều chỉnh việc trình bày báo cáo tài chính nếu cần thiết theo quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành.

Từ các cơ sở nêu trên, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát có cơ sở chắc chắn để đánh giá rằng báo cáo tài chính đã trích lập dự phòng đầy đủ và trình bày thông tin một cách trung thực, hợp lý cho các khoản phải thu và đầu tư tài chính liên quan, tuân thủ các quy định chuẩn mực kế toán hiện hành tại ngày lập báo cáo tài chính.

30 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC của báo cáo tài chính riêng của kỳ này. Chi tiết như sau:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

		31/12/2025 Trình bày lại VND	31/12/2025 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.665.899.992.467	592.380.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	2.722.119.992.467	592.380.000
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	124	(56.220.000.000)	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.063.846.237.926	3.729.153.850.393
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	843.066.220.887
Phải thu ngắn hạn khác	135	713.215.520.729	2.591.676.912.309
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(1.698.115.290)	(57.918.115.290)
Các khoản phải thu dài hạn	210	910.000.000	82.378.197.260
Phải thu dài hạn khác	215	910.000.000	82.378.197.260
Đầu tư tài chính dài hạn	260	4.350.971.155.204	4.269.502.957.944
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	128.145.000.000	82.145.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	35.468.197.260	-

Nguyễn Thị Kim Nhung Người lập	Trần Thị Thủy Kế toán trưởng	Tan Bo Quan, Andy Người đại diện theo pháp luật Ngày 30 tháng 10 năm 2026